Tôi Mặc Cảm là Việt Nam

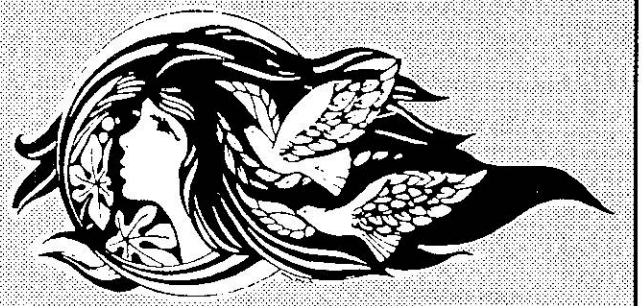

Tôi đến Mỹ khi mới 9 tuổi. Trong cơn hốt hoảng loạn ly, bố mẹ tôi tháo chạy, vì sợ Cộng sản. Theo bố, thì chạy trốn đã, chưa biết đi đâu, chưa biết sẽ làm gì để sinh sống. Bố tôi tin chắc rằng không thể sống nổi với Cộng sản. Mẹ tôi thì lý luận rằng, Cộng sản cũng là người Việt Nam, là chú Ba chú Tám ở dưới làng quê, việc gì mà sợ quá. Cùng lắm, là đời sống khổ hơn một tí, chứ đến nỗi nào. Bố tôi nhất quyết ra đi, nếu mẹ tôi không chịu đi thì ở lại, bố sẽ dắt tôi và em gái tôi chạy trốn. Mẹ tôi cắn răng, hậm hực đi theo, và suốt ngày dằn vặt bố tôi từ khi bước chân xuống tàu, đến trại tị nạn, và còn dằn vặt mãi cho đến những năm lao đao lận đận trên xứ người. Ba năm sau, vào năm 1978, chúng tôi được tin cậu Hai, anh ruột mẹ tôi, thoát chết trong lần vượt biển đào thoát đi tìm tự do, nhưng mợ Hai và sáu người con đều chôn xác giữa vùng vịnh Thái Lan. Cậu Hai tôi ngày xưa là thương gia, làm ăn khá giả. Theo lời bố tôi, thì cậu có cảm tình nhiều với phe Cộng sản, và thỉnh thoảng cũng có giúp đỡ những người trong bưng. Mẹ tôi trách cậu Hai rằng, đi làm chi cho khổ, cho mất vợ mất con. Cậu Hai trợn mắt bảo "Cô không biết đấy thôi. Anh không sống nổi, chịu nổi mới ra đi, chứ có ngu dại gì để chấp nhận cuộc hành trình đầy bất trắc, hiểm nguy. Ra đi là chấp nhận cái chết. Nếu cho anh chọn lựa lại, anh cũng nhất định ra đi". Từ đó, mẹ tôi bớt dằn vặt bố về quyết định bỏ quê hương đất nước ra đi.

Phần tôi, những năm đầu tiên trên xứ lạ là chuỗi ngày chịu đựng. Trong lớp học, tôi chẳng hiểu được thầy giáo, cô giáo nói gì, muốn gì. Luôn luôn hãi sợ. Sợ luôn cả ánh mắt của thầy cô. Không biết thầy cô có nói gì với mình, dặn dò gì mình hay không, hay nói chuyện khác. Tôi sợ luôn cả những đứa bạn học chung lớp. Tôi thu mình lại như con ốc trong vỏ. Tôi không có bạn, vì chẳng đứa nào chơi với. Vấn đề là bất đồng ngôn ngữ, không hiểu nhau. Bài vở tôi cũng chẳng hiểu chi nhiều, lỏm bỏm đoán mò, và thầy cô có lẽ xem tôi như là một thứ bất trị, một giống dân dã man, khó mà thu nhận được cái văn hóa, kiến thức tân tiến của xứ Mỹ. Tôi lẹt đẹt trong lớp. Mỗi buổi tối về nhà làm bài tập là lòng tôi đầy chán nản, muốn bỏ cuộc, và cố gắng đoán mò, làm quấy quá cho qua chuyện. Mà không quấy quá cũng chẳng được gì hơn. Học kém, tôi sợ đến trường. Những ngày thứ hai, trong lòng tôi buồn phiền, con đường đến trường không vui. Học hành trở thành cực hình, nản lòng. Nhiều khi tôi nằm mơ ước, giả như có ai chế được cái máy, mang vào tai, có thể nghe và hiểu được lời của thầy cô, bè bạn. Đời tôi sẽ có ý nghĩa hơn, sung sướng hơn. Trong giờ chơi, tôi đứng một mình, lang thang một mình, không nói không cười, khi nào cũng ưu tư và nhớ về cái cư xá Yên Đỗ, mỗi buổi chiều, tôi cùng mấy đứa bé chạy chơi, nói chuyện, la hét. Tôi như một thằng bé câm điếc giữa các xã hội này. Nhiều đêm tôi thầm nghĩ, tại sao bắt tôi phải đi học. Tôi có học được cái gì đâu, có nghe, có hiểu đâu mà bắt tôi học. Bố tôi bảo, xứ người, dân mình vốn giống nhỏ con, yếu ớm, thể lực không có, thì phải học, không học thì sau này khổ lắm. Theo

tôi thì sau này khổ đâu không thấy, chứ bây giờ tôi đã quá khổ.

Rồi tôi cũng có một thằng bạn, nhỏ hơn tôi một tuổi, người Lào. Hai đứa cùng chung cảnh ngộ, tìm về nhau. Chúng tôi cũng không hiểu nhau, không nói, không nghe, nhưng chúng tôi nói với nhau nhiều qua ánh mắt, qua một vài trò chơi đơn giản. Có lẽ chúng tôi cảm thương thân phận của chính mình, mà cảm thương người đồng cảnh ngộ. Trong thâm tâm, tôi thương thằng bạn như người anh em ruột thịt. Tôi với thằng bạn Lào, là hai thằng mọi con giữa một xứ văn minh. Cái gì cũng lạ lùng, và thường mắc phải những hàm oan, những lỗi lầm mà mình không hề cố ý. Lâu dần, rồi chúng tôi chấp nhận những hàm oan như là chuyện bình thường. Những dặn dò của nhà trường đưa về phụ huynh qua chúng tôi là xem như không có. Chúng tôi đâu có hiểu gì. Nhà trường có lẽ rất bực mình vì thái độ bình thản, lạnh lùng của tôi. Có lẽ thầy giáo xem tôi như là một đứa bé nghễnh ngãng mắc bệnh tâm thần. Tôi trở thành một đứa bé rụt rè, làm gì cũng sợ sai, sợ trật, sợ người lớn la rầy. Tôi sinh ra mặc cảm đủ thứ. Không biết bố mẹ tôi có hiểu cho tôi không. Bố thường nhăn nhó buồn rầu khi đọc các bản thành tích học hành của tôi do trường gởi về. Bố thường rầy tôi: "Mầy học dốt quá, ngu quá, lại biếng nhác nữa, không chịu học hành sau nầy khổ thân rán chịu". Tôi đang khổ thân đây, tôi đã nghe, nói và hiểu được khá nhiều, nhưng không phải là hết khó khăn. Vẫn còn khó khăn khi đọc sách, khi viết, khi diễn tả. Những môn học ít cần đến ngôn ngữ thì tôi đã theo kịp và có khi được xuất sắc, khen thưởng. Tôi đã cố gắng để phá vỡ cái rào cản về ngôn ngữ. Nhưng thằng bạn người Lào của tôi thì vẫn chán nản, hắn chỉ mơ ước sao cho xong trung học, rồi đi làm thợ sửa xe, thế là đủ. Từ những năm đầu như người câm điếc, tôi quen thói im lặng, ít nói, ít đùa. Tôi nghe nhiều hơn nói, và suy nghĩ nhiều hơn các sinh hoạt khác. Nhiều năm trôi qua, tôi ít dùng tiếng Việt, không nói nhiều, tôi quên dần. Nghe thì hiểu, không biết có đúng vần, đúng âm điệu hay không. Giống hệt như thời tôi mới tập nói tiếng Mỹ. Trong nhà, khi điện thoại reo, tôi ngại bốc điện thoại, sợ phải nghe và trả lời bằng tiếng Việt Nam. Nhiều năm trước thì sợ nghe tiếng Mỹ, bây giờ sợ nghe tiếng Việt Nam. Một lần theo bố mẹ tôi xuôi về miền Tây Nam nước Mỹ thăm bà con bạn bè. Tôi phải cố gắng hết sức, rặn ra được một ít câu tiếng Việt để trả lời các câu hỏi của các chú bác. Có lẽ tôi nói tiếng Việt Nam lơ lớ, không có dấu, ngọng, nên cả nhà cười ầm, và nhại lại những chữ sai, tôi xấu hổ, ngượng ngùng và tôi không nói nữa. Tôi tránh người lớn, tránh những câu hỏi, tránh đối thoại. Nếu cùng lắm, phải trả lời, thì trả lời nhát gừng: Dạ, không, con không biết. Ba tiếng đó, giải quyết hết mọi thắc mắc, đủ đàm thoại rồi. Tôi thấy người lớn bất công, họ nói tiếng Anh sai thì không ai cười, chế nhạo, mà chúng tôi nói sai tiếng Việt thì bị báng bổ.

Sự chế nhạo làm cho tôi ngượng ngùng, và rất ngại khi phải nói tiếng Việt vì sợ sai. Đáng ra, người lớn phải khuyến khích và thông cảm cho chúng tôi, để chúng tôi mạnh dạn học tiếng mẹ đẻ, nói và tập cho quen. Bố mẹ tôi tưởng tôi không ưa người Việt Nam, vì khi nào có bạn bè người Việt của bố mẹ đến chơi, thì tôi lảng tránh. Trong bữa ăn, tôi cúi đầu nhìn xuống, im lặng, rán ăn mau cho xong mà lỉnh đi nơi khác, đỡ phải lo lắng vì những câu hỏi của người lớn. Những năm còn bé, tôi rất mặc cảm là người Việt Nam. Vì Việt Nam thì nghe không hiểu, nói không ra hơi. Nhưng rồi tôi nghe được, hiểu được, tôi chẳng còn mặc cảm nữa. Cho đến khi gia đình tôi dọn về California, người Việt Nam đông đảo, được tiếp xúc và thấy nhiều, thì cái mặc cảm tự ti là người Việt Nam quay trở lại. Tôi được chứng kiến, nhiều người VN đàng hoàng, đang đứng nói chuyện, thò tay vào mũi ngoáy ngoáy nhiều vòng, rồi móc ra thứ gì đó, búng một cái cho văng xuống sàn. Nhiều người khác, móc thức ăn trong miệng một cách tự nhiên, há to miệng trước mặt mọi người. Một số khác, trong khi ăn uống nói năng vừa nhai, vừa nói, vừa cười, nước bọt bay lấm tấm vào các thức ăn trên bàn. Đông đảo hơn, nhiều người họp nhau uống rượu, ăn uống, la hét ồn ào, không kể gì đến hàng xóm láng giềng, đôi khi vặn nhạc

ồn ào, tiếng hát rên rỉ như khóc lóc thảm thương. Những bài hát rất chậm và tôi ít khi hiểu được lời. Theo một người bạn tôi, thì các bản nhạc nầy đa số là "phàn nàn đủ chuyện". Tôi được nghe tận tai, nhiều bạn bè của bố mẹ tôi nói: "Tôi không ưa giao du với người Việt Nam" hoặc "tôi không có bạn VN" hoặc nữ "Vùng tôi ở tốt lắm, không có người VN, chỉ có gia đình tôi là VN thôi" hoặc "Tôi không ưa ở vùng có đông người Việt, phiền lắm?" Những câu nói này làm tôi đánh giá người VN là một thứ xấu xa. Có lẽ cả bố mẹ tôi, chính tôi, và chính cả những người nói ra các câu trên, cũng thuộc một giống dân tệ hại, đáng xấu hổ. Bởi vậy, đôi lúc tôi chẳng ngạc nhiên chút nào, khi nghe nhiều người VN xưng họ là Nhật, là Phi v.v. Tôi tự hỏi, lẽ nào người VN xấu đến nỗi chính người VN cũng không ưa họ. Và cái ông bạn của bố tôi, dọn nhà vào khu vực toàn da trắng, không có người VN, thì chịu chi nỗi sự kỳ thị khinh khi của láng giềng, chính ông ta kỳ thị dân tộc của ông, thì mong chi được dân khác không kỳ thị.

Cái mặc cảm tự ti là người Việt Nam do người lớn gieo vào lòng tôi, dù trong trường đại học, tôi học khá, không thua ai, nhưng tôi thuộc một giống dân thấp kém. Điều đó do nhiều người lớn VN nói ra, tự nhận, chứ không phải vì bị kỳ thị mà các dân khác gán ghép cho. Cái ý thức mọi dân tộc trên thế giới đều ngang nhau, bình đẳng, mà tôi học được trong sách vở đã bị uốn cong bởi những khoe khoang vô tình của các bậc chú bác. Ngay cả em gái tôi, nó cũng có vẻ vồn vã với bạn trai người Mỹ hơn là bạn VN. Đó cũng là điều dễ hiểu.

Một lần, anh bạn lớn tuổi hơn đem tôi đi nghe ca nhạc VN, nể lời anh, tôi đi. Giá vé đắt khủng khiếp. Ca sĩ từ Pháp qua trình diễn. Lần đầu tiên đến những nơi như thế này, tôi bỡ ngỡ. Âm thanh thì chát chúa, loa thì rè rè, thỉnh thoảng hú lên cắt đứt bản nhạc. Ồn ào, hỗn loạn. Người hát cứ hát, người khác thì tự do nói chuyện, xầm xì. Tiếng trống đệm ầm ầm, tiếng đàn, kèm át tiếng ca sĩ, tiếng hát chìm khuất trong mớ âm thanh phụ họa của các nhạc cụ ồn ào. Tôi chẳng nghe được gì cả, chẳng hiểu gì cả. Trong lòng tôi là cả khoảng trống rỗng, vô vị. Anh bạn lớn tuổi lắc đầu giải thích cho tôi: "Hai ba chục năm nay, cũng thế, cũng những bản nhạc đó, họ không biết chán. Chẳng có chút tiến bộ nào cả". Rồi sàn nhảy bắt đầu. Tôi với anh bạn ngồi xem. Tôi thấy một bà bạn của mẹ tôi đang nhảy, đa số các bà tuổi đã quá lứa xồn xồn, bà nào cũng mập ú, ủn ỉn lắc lư như những nàng heo trong tranh vẽ hài hước. Các ông thì lưng đã còng, chập choạng bước lui bước tới. Tôi thấy chán nản thật sự, tôi hơi xấu hổ, không biết vì sao. May mà không có bố mẹ tôi trong đám người đang nhảy nhót nầy. Anh bạn kéo tôi đứng dậy, ra về, trên đường chúng tôi im lặng không nói chuyện.

Nhiều lần theo mẹ tôi đi chợ, tôi nghe các bà ăn nói lớn tiếng, ồn ào, xem thiên hạ chung quanh như không có. Các bà gặp nhau là lao nhao ầm lên, như chim vỡ tổ. Các bà cười nói, vui vẻ, khác hẳn với tục lệ lịch sự địa phương. Tôi cũng đã bị Mỹ hóa phần lớn, nên thường cảm thấy khó chịu, và cầu nguyện cho các bà mau hết chuyện, mau hạ giọng xuống.

Lần đó, chú Tư bạn của Bố tôi từ xa về chơi. Chú nhỏ tuổi hơn bố nên gọi bằng chú. Ngày xưa khi còn ở VN, chú thường qua lại, cho tôi bánh kẹo, dẫn tôi đi xem xi-nê. Có lần tôi cảm động trong phim Les Miserables khóc trong rạp hát. Chú vổ về tôi "chuyện người ta đóng phim, không có thật đâu, nín đi". Khi về chú mua kem cho tôi ăn. Tình cảm với chú đầy ắp trong lòng tôi. Thế mà, khi chú ghé nhà, tôi cũng tránh né, vì đủ thứ mặc cảm. Rồi chú cũng tìm cách bắt chuyện với tôi, khi chú nghe tôi ậm ừ bằng tiếng Việt, thì chú chuyển qua nói tiếng Anh. Chú nói ngọng nghịu, trật, khó nghe, khó hiểu, tôi phải chú tâm lắm mới hiểu. Chú nhắc lại vài mẩu chuyện vui vui. Chú phá vỡ bức tường ngăn cách tài tình. Mười mấy năm rồi, tôi đã lớn, mà vẫn cảm được cái tình thân thiết xưa trở lại. Tôi lái xe đưa chú đi thăm các danh lam thắng cảnh. Chú nói rằng dạo nầy chú vui lắm, gặp lại rất nhiều bạn cũ VN, họ qua Mỹ theo chương trình HO, có người đã 30, 40 năm rồi mới gặp lại. Được gặp bạn bè VN làm chú sung sướng. Tôi ngạc nhiên, vì tôi thường nghe người lớn nói là tránh giao thiệp với VN. Tôi